Nội dung bài viết

1. Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 32: Chính tả

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 32: Chính tả

Câu 1: Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

a) - ... thưởng, ... rác, ... núi

(giải, dải, rải)

- ... mạch, để ..., tranh ...

(giành, dành, rành)

b) - ... khoẻ, ... mẻ

(sứt, sức)

- cắt ..., đạo ...

(đứt, đức)

- ... nở, ... nẻ

(nứt, nức)

Lời giải chi tiết:

a)

- **giải** thưởng, **rải** rác, **dải** núi

- **rành** mạch, để **dành**, tranh **giành**

b)

- **sức** khỏe, **sứt** mẻ

- cắt **đứt**, đạo **đức**

- **nức** nở, **nứt** nẻ

Câu 2: Viết các tiếng :

a) Bắt đầu bằng ***gi*** hoặc ***d***, có nghĩa như sau :

- Trái với *hay* : …….

- Tờ mỏng, dùng để viết chữ lên : …….

b) Có vần ***ưc*** hoặc ***ưt***, có nghĩa như sau :

- Chất lỏng màu tím, xanh hoặc đen, dùng để viết chữ : …….

- Món ăn bằng hoa quả rim đường : …….

Lời giải chi tiết:

a)

- Trái với *hay* : **dở**

- Tờ mỏng, dùng để viết chữ lên : **giấy**

b)

- Chất lỏng màu tím, xanh hoặc đen, dùng để viết chữ : **mực**

- Món ăn bằng hoa quả rim đường : **mứt**